

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Phúc

2. Bà Ngô Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim L; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T; địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L và anh T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/4/2022, biên bản hòa giải ngày 15/8/2022, các văn bản trình bày khác và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Chị và anh Lê Văn T tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 25/02/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, nhưng trong những năm gần đây thì luôn xảy ra mâu thuẫn, anh T thiếu trách nhiệm với gia đình, thiếu tôn trọng chị và sự bất đồng thêm trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc. Hiện nay chị và anh T đã

sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lê Trần Hữu T1, sinh ngày 28/02/1994 và Lê Trần Hữu P, sinh ngày 29/8/1996. Hiện nay các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

Tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2022, biên bản hòa giải ngày 15/8/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Kim L tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng luôn mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không khắc phục được, chị L bị mất ngủ liên quan đến thần kinh đã 5 năm nay và hiện nay anh và chị L đã sống ly thân. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung tên Lê Trần Hữu T1, sinh ngày 28/02/1994 và Lê Trần Hữu P, sinh ngày 29/8/1996. Hiện nay các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

Tài sản chung: Anh và chị L có 02 thửa đất và nhà ở tại Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là số tiền 1.700.000.000 đồng mà chị L gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh D – Phòng giao dịch M. Ngày 05/7/2022 Tòa án có thông báo số 65/TB-TA, yêu cầu anh T làm đơn khởi kiện về chia tài sản chung để Tòa án xem xét, giải quyết nhưng anh T không thực hiện.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim L. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L được ly hôn anh Lê Văn T; về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Lê Trần Hữu T1, sinh ngày 28/02/1994 và Lê Trần Hữu P, sinh ngày 29/8/1996. Hiện nay các con chung của chị L và anh T đều đã thành niên nên đề nghị không xem xét, giải quyết về nuôi con; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Kim L khởi kiện anh Lê Văn T, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T, về con chung đã thành niên, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Trần Thị Kim L khởi kiện thì bị đơn anh Lê Văn T đang cư trú tại Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Kim L và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 25/02/1993. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần khuyên giải, động viên chị L đoàn tụ với anh T, nhưng chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Lê Văn T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T cũng thừa nhận từ năm 2017 đến nay, anh và chị L luôn xảy ra mâu thuẫn, chưa khắc phục được và hiện nay anh và chị L đang sống ly thân, không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Trần Thị Kim L và anh Lê Văn T đã xảy ra trong một thời gian dài, không khắc phục được. Hiện nay chị L và anh T đã sống ly thân, làm cho hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Trần Thị Kim L yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định chị Trần Thị Kim L và anh Lê Văn T có 02 con chung là Lê Trần Hữu T1, sinh ngày 28/02/1994 và Lê Trần Hữu P, sinh ngày 29/8/1996. Hiện nay các con chung của chị L và anh T đều đã trên 18 tuổi, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ngày 20/6/2022, anh Lê Văn T có đơn yêu cầu chia tài sản chung, Tòa án đã thông báo cho anh T làm đơn khởi kiện phản tố yêu cầu chia tài sản chung theo quy định nhưng anh T không thực hiện nên ngày 15/8/2022 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ngày 26/8/2022 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lê Văn T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của anh và chị L. Xét thấy, việc anh Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu anh T và chị L có tranh chấp về chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 200, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Kim L và anh Lê Văn T có 02 con chung là Lê Trần Hữu T1, sinh ngày 28/02/1994 và Lê Trần Hữu P, sinh ngày 29/8/1996. Hiện nay các con chung của chị L và anh T đều đã trên 18 tuổi, chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002346 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Phong